

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HS-ST
Ngày 02/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình và ông Lê Đình Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

LÊ HỒNG T (tên gọi khác: Không có), sinh năm 1968 tại Đồng Nai.

HKTT: Khu phố 3, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nơi tạm trú: Khu phố 2, phường P, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Th (đã chết) và bà Lê Thị D (đã chết); có 02 người con.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt theo Biên bản bắt người đang bị truy nã ngày 21/4/2020 và hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Bà Trần Thị Thanh H, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Khu phố 2, phường P, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Ngọc H, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà Mai Thị Hồng V, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Khu

phố 1, phường P, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 10/12/2018, Lê Hồng T đi đến tiệm tạp hóa của bà Trần Thị Thanh H tại khu vực chợ P để mua than. Trong lúc bà H đang dọn hàng ra trước sạp, T nhìn thấy một túi ni lông màu trắng của bà H để trên sạp hàng phía trước nhà, bên trong túi có chứa một Ipad Mini 2 màu trắng (đã qua sử dụng), quần áo cũ, thuốc tây, son và một số loại card điện thoại của các nhà mạng: Viettel, Vietnamobile, Vinaphone, Mobifone có mệnh giá từ 10.000^d đến 200.000^d. Lợi dụng lúc bà H không để ý, T đã lấy trộm túi ni lông trên đem về nhà. Sau khi kiểm tra, thấy các tài sản gồm một cái Ipad Mini 2 và card điện thoại có giá trị nên T giữ lại, còn quần áo cũ, son và thuốc tây T vứt ở bãi rác. Sau đó, T mang hết số card điện thoại trên đến bán tại Cửa hàng giao dịch VNPT tỉnh Ninh Thuận, tuy nhiên chị Mai Thị Hồng V là nhân viên thuộc bộ phận chăm sóc khách hàng không đồng ý mua nên T tiếp tục mang số card này đến bán tại Cửa hàng điện thoại di động “H”. Tại đây, chủ cửa hàng là ông Hồ Ngọc H đã kiểm tra tổng giá trị số card điện thoại T mang đến là 2.500.000^d và đồng ý mua với giá 1.250.000^d. T đồng ý bán, còn cái Ipad Mini 2 T cất giấu ở nhà chưa sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 53 ngày 19/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, kết luận: Một Ipad Mini 2 model A1489, màu trắng, phiên bản 8.4 (12H143), kiểu máy ME279LL/A, số sê ri DMPQ825DFCM8, sản xuất năm 2014 có giá trị là 2.200.000^d (Hai triệu hai trăm nghìn đồng). Như vậy, tổng giá trị tài sản Lê Hồng T đã chiếm đoạt của bà Trần Thị Thanh H là 4.700.000^d (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Vật chứng của vụ án: Một Ipad Mini 2; 30 cái card điện thoại nhà mạng Viettel gồm: 12 cái loại 10.000^d, 17 cái loại 20.000^d, 01 cái loại 200.000^d chưa qua sử dụng; 24 cái card điện thoại nhà mạng Vinaphone gồm: 01 cái loại 10.000^d, 15 cái loại 20.000^d, 06 cái loại 50.000^d, 02 cái loại 100.000^d chưa qua sử dụng; 29 cái card điện thoại nhà mạng Vietnamobile gồm: 13 cái loại 10.000^d, 14 cái loại 20.000^d, 02 cái loại 50.000^d chưa qua sử dụng; 17 cái card điện thoại nhà mạng Mobifone gồm: 16 cái loại 20.000^d chưa qua sử dụng, 01 cái loại 200.000^d đã qua sử dụng; số tiền 200.000^d do ông Hồ Ngọc H tự nguyện giao nộp. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Trần Thị Thanh H.

Quá trình điều tra, Lê Hồng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bà T phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bà Trần Thị Thanh H cho rằng số card điện thoại của bà bị Lê Hồng T trộm không phải giá trị là 2.500.000^d mà tổng giá trị khoảng 15.000.000^d. Tuy nhiên, quá trình điều tra không chứng minh được.

Đối với ông Hồ Ngọc H đã có hành vi mua card điện thoại do T bán nhưng không biết đây là tài sản trộm cắp tài sản mà có nên Cơ quan điều tra không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Cáo trạng số: 67/CT-VKSPRTC ngày 10/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm truy tố bị cáo Lê Hồng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Xử phạt bị cáo Lê Hồng T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Trần Thị Thanh H đã nhận lại tài sản. Riêng đối với yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền card điện thoại là 5.000.000^d không có căn cứ chấp nhận. Đối với số tiền mà ông Hồ Ngọc H mua lại số card điện thoại của bị cáo, ông H không có yêu cầu gì về dân sự.

Tại phiên tòa, bị hại bà Trần Thị Thanh H trình bày: Bà xác nhận đã nhận số tài sản là vật chứng của vụ án. Bà thay đổi yêu cầu bồi thường, yêu cầu bị cáo phải hoàn trả cho bà số tiền 5.000.000^d và yêu cầu Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Ngọc H trình bày: Số tiền 1.250.000^d mà ông đã bỏ ra để mua lại số card điện thoại từ bà T và số tiền 200.000^d (là giá trị 01 card di động ông đã sử dụng) ông đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Vì giá trị tiền không lớn nên ông không yêu cầu gì về dân sự.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hồng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Do cần tiền tiêu xài cá nhân, khoảng 08 giờ ngày 10/12/2018, bị cáo Lê Hồng T đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Trần Thị Thanh H có tổng giá trị 4.700.000^d. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm truy tố về tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra. Do đó cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Sau khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án và khởi tố bị can, bị cáo bỏ đi khỏi địa phương gây khó khăn cho công tác điều tra vụ án nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã bị can. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Một Ipad Mini 2; card điện thoại của các nhà mạng và số tiền 200.000^d Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Trần Thị Thanh H nên không xử lý. Riêng đối với yêu cầu của bị hại buộc bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000^d, quá trình điều tra và tại phiên tòa không chứng minh được nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[6] Ông Hồ Ngọc H không có yêu cầu gì về số tiền 1.250.000^d mà ông đã bỏ ra để mua lại số card điện thoại từ bị cáo và số tiền 200.000^d ông tự nguyện giao nộp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét quan điểm của Viện Kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là hoàn toàn tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra; quan điểm về trách nhiệm dân sự là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, do không chấp nhận yêu cầu bồi thường nên bị hại phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Bị cáo **Lê Hồng T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Hồng T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 21/4/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Không chấp nhận yêu cầu bồi thường số tiền 5.000.000^d của bị hại bà Trần Thị Thanh H.

Về án phí: Bị cáo Lê Hồng T phải chịu 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Bị hại bà Trần Thị Thanh H phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND TP. PR-TC;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- CQĐT Công an TP. PR-TC;
- CQTHAHS Công an TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bảo Châu